

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế 3 công khai
Năm học 2023 – 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 6 về việc thành lập trường Tiểu học Him Lam.

Căn cứ năng lực công tác của viên chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kịen toàn thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế 3 công khai trường Tiểu học Him Lam năm học 2023 – 2024 gồm các Ông (bà) (*Có danh sách kèm theo*)

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế 3 công khai có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện 3 công khai trong đơn vị với những nội dung được quy định theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục.

Điều 3. Các bộ phận công tác có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 ;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Điền Trọng Văn

DANH SÁCH

Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế 3 công khai năm học 2023 – 2024

(Kèm theo Quyết định số 351/QĐ-THHL ngày 31 tháng 08 năm 2023 của Trường Tiểu học Him Lam)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1.	Điền Trọng Văn	Hiệu trưởng	Trưởng Ban chỉ đạo
2.	Hồ Văn Đuột	CTCD – Tổ trưởng tổ 3	Phó ban thường trực
3.	Bạch Quyết Chiến	Trưởng Ban TTND	Thư kí
4.	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Tổ trưởng tổ 1	Thành viên
5.	Trần Thị Kim Uyên	Tổ trưởng tổ 2	Thành viên
6.	Lê Thị Ngọc Tuyền	Tổ trưởng tổ 4	Thành viên
7.	Phạm Thị Hạnh	Tổ trưởng tổ 5	Thành viên
8.	Nguyễn Thị Đan Trâm	Tổ trưởng Văn thể mỹ	Thành viên
9.	Hồ Thị Lệ Hằng	Tổ trưởng Tiếng Anh	Thành viên
10.	Nguyễn Thị Thy Vân	Tổ trưởng Văn phòng	Thành viên
11.	Nguyễn Thị Kim Cúc	Kế toán.	Thành viên

(Danh sách trên gồm 11 người)



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 21/QĐ-THHL

Quận 6, ngày 15 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế công khai trong nhà trường
Năm học 2023 – 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quận 6 về Ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực thi hành từ ngày 13/02/2018 thay thế Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 6 về việc thành lập trường Tiểu học Him Lam;

Thực hiện kế hoạch và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công khai trong nhà trường của Trường Tiểu học Him Lam.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế các quyết định ban hành quy chế công khai đã ban hành trước đây.

Điều 3: Các tổ chức đoàn thể, Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường Tiểu học Him Lam căn cứ Quyết định để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Diễn Trọng Văn

QUY CHẾ

Quy chế công khai Trường Tiểu học Him Lam

(Ban hành theo Quyết định số 176/QĐ-THHL ngày 15 tháng 9 năm 2023
của Trường Tiểu học Him Lam)

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Him Lam xây dựng Quy chế thực hiện quy định công khai trong hoạt động giáo dục của đơn vị như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về thực hiện công khai đối với trường Tiểu học Him Lam.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của đơn vị và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của nhà trường phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại các phiên họp đơn vị, trên các bản tin, bảng thông báo, trang thông tin điện tử theo quy định trong quy chế này phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Điều 4. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế :

a) Cam kết về chất lượng giáo dục:

- Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường hàng năm;
- Chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình;
- Yêu cầu thái độ học tập của học sinh;

- Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho học sinh học tập
- Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh;
- Tình hình đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*Theo Biểu mẫu 05*).

b) Chất lượng giáo dục thực tế

- Số học sinh xếp loại theo phẩm chất, năng lực của học sinh, tổng hợp kết quả cuối năm;

- Tình hình sức khỏe của học sinh;
- Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi;
- Tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình cấp Tiểu học (*theo Biểu mẫu 06*).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục :

a) Cơ sở vật chất :

- Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, sân chơi, bãi tập được tính bình quân trên một học sinh;

- Số lượng máy tính, bảng tương tác, kết nối mạng,... phục vụ giảng dạy, học tập;

- Tường rào, ánh sáng, nguồn nước sinh hoạt, nhà vệ sinh,...

- Tổng số trang thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (*theo Biểu mẫu 07*).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (*theo Biểu mẫu 08*).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính :

a) Thực hiện công khai tài chính

- Thực hiện công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách Nhà nước và

các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

b) Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c) Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Công khai trên bảng tin thông báo của nhà trường đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật trước khi khai giảng năm học và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b) Niêm yết công khai tại bảng thông báo bảo đảm thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) và khi có thay đổi nội dung liên quan.

Bất cứ lúc nào khi cơ sở giáo dục hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường sẽ cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy chế này, nhà trường thực hiện công khai như sau:

a) Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh, phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường 13 phát thanh kế hoạch tuyển sinh hằng ngày, kết hợp kế hoạch công khai kế hoạch tuyển sinh tại bản tin nhà trường trước khi thực hiện tuyển sinh.

b) Đối với học sinh đang theo học tại nhà trường: phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây :

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban Thanh tra nhân dân, các tổ chức bộ phận trong nhà trường

1. Ban Thanh tra nhân dân :

a) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công khai của các nhà trường ; việc kiểm tra có sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b) Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra cho Hiệu trưởng. Thời điểm thông báo không quá 15 ngày sau khi thực hiện kiểm tra.

2. Các tổ chức, bộ phận trong nhà trường :

Tổ chức thực hiện công khai lĩnh vực phụ trách (theo Điều 4 của quy chế này).

Tạo điều kiện tốt nhất để Ban Thanh tra nhân dân giám sát.

TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 275/KH-THHL

Quận 6, ngày 15 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện công khai theo Thông tư 36/TT-BGDĐT Năm học: 2023 -2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai đối với các đơn vị dự toán, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Thực hiện hướng dẫn, chỉ đạo của Phòng giáo dục và Đào tạo Quận 6, Trường Tiểu học Him Lam xây dựng kế hoạch thực hiện công khai trong hoạt động nhà trường năm học 2023 - 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công khai đảm bảo đầy đủ chính xác các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định

II. NỘI DUNG

1. Các nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục

Điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp; thực hiện chương trình giảng dạy; công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh; những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh. Thông tin CSVN nhà trường cam kết phục vụ tốt cho học sinh (phòng học tập, thiết bị, tin học...); các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh; tình hình đội ngũ CB-CC và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả học lực, hạnh kiểm; sức khỏe học sinh trong trường; khả năng tiếp tục học tập của học sinh (*Biểu mẫu 05 của Thông tư 36/2017*).

b) Chất lượng giáo dục thực tế

Số học sinh xếp loại theo từng năng lực, phẩm chất, tổng hợp kết quả cuối năm học; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kì thi học sinh giỏi, các giải phong trào, số học sinh dự xét hoàn thành chương trình tiểu học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học (*Biểu mẫu 06 của Thông tư 36/2017*)

c) Mức chất lượng tối thiểu

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng, duy trì trường đạt chuẩn cấp độ 1 và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (nếu có ở cấp độ nào).

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

a) Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (*Biểu mẫu 07 Thông tư 36/2017*)

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (*Biểu mẫu 08 Thông tư 36/2017*). Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ, thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học.

1.3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài

chính đối với đơn vị được cấp ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 61/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 6 năm 2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

a) Các khoản thu (hỗ trợ) của phụ huynh học sinh, các nhà hảo tâm trong năm học 2023-2024.

b) Ngân sách nhà nước cấp (theo phân bổ dự toán UBND Quận 6 cấp)

Các khoản chi trong năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo quy định (Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài chính đối với đơn vị được cấp ngân sách nhà nước. Thông tư số 61/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 6 năm 2017. Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

2. Về hình thức và địa điểm, thời điểm công khai

- Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng (Website của nhà trường), các cuộc họp phụ huynh của Nhà trường.

- Công khai trong các cuộc họp của cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường vào đầu năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật thường xuyên khi có thông tin hoặc thay đổi.

- Niêm yết (có biên bản) công khai tại bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố (từ ngày 01 đến ngày 06 tháng 6 hằng năm), cập nhật đầu năm học (từ ngày 15 đến 25 tháng 9 năm đó) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.



- Đối với nội dung các khoản thu từ nguồn xã hội hóa trong năm học 2023-2024, phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh và niêm yết trên bảng tin của nhà trường đầu năm học 2024-2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập ban chỉ đạo

Thành lập ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai cấp trường gồm các thành viên: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Tổ trưởng chuyên môn, Kế toán.

2. Tổ chức thực hiện

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 61/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 6 năm 2017. Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Thông qua hội nghị viên chức đầu năm học:

+ GV đăng kí chất lượng môn dạy, chất lượng lớp chủ nhiệm và danh hiệu thi đua cá nhân.

+ Tổ chuyên môn đăng kí chất lượng hoạt động của tổ và kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ.

+ Công đoàn, Liên đội phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ giáo viên và học sinh.

- Tổng hợp kết quả học tập của học sinh vào cuối học kì và cuối năm học có so sánh, đánh giá phân tích kết quả so với những năm học trước để thực hiện công khai.

- Thực hiện đánh giá phân loại giáo viên hằng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

- Báo cáo về Phòng giáo dục và Đào tạo Quận 6 theo Thông tư 36/2017 (*xong trước 30 tháng 9 hằng năm*)

3. Phân công nhiệm vụ các thành viên ban chỉ đạo

- Hiệu trưởng: chịu trách nhiệm thực hiện quản lí và công khai đội ngũ, cán bộ quản lí, tài chính, tài sản, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc các hoạt

động công khai của đơn vị. Xây dựng kế hoạch, báo cáo, giải trình trước các cơ quan có thẩm quyền.

- Phó hiệu trưởng: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế của đơn vị. Phối hợp với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

- Chủ tịch công đoàn: chịu trách nhiệm thực hiện giám sát công khai và cùng với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

- Tổ trưởng chuyên môn: thực hiện thống kê kết quả giảng dạy và giáo dục cá nhân, tổ, kết quả tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, tự đánh giá phân loại giáo viên trong tổ hàng năm để thực hiện công khai theo quy định.

Bộ phận tài vụ: quyết toán thu, chi theo quy định, lưu giữ chứng từ tài chính khoa học để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi được yêu cầu.

Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế công khai của trường Tiểu học Him Lam năm học 2023-2024, yêu cầu các thành viên trong nhà trường triển khai, tổ chức, thực hiện nghiêm túc đúng quy định. Trong quá trình tổ chức có khó khăn vướng mắc báo cáo Hiệu trưởng xem xét giải quyết./.

Nơi nhận: ..

- Ban giám hiệu;
- Kế toán;
- CTCĐ;
- TTCM;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Điền Trọng Văn



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 6, ngày 18 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Năm học 2023 – 2024

I. Thời gian: 09 giờ ngày 30 phút ngày 18 tháng 9 năm 2023

II. Địa điểm: Trường Tiểu học Him Lam

III. Thành phần:

- Ông Điều Trọng Văn - Hiệu trưởng
- Ông Hồ Văn Đuật - Chủ tịch Công đoàn
- Ông Bạch Quyết Chiến - Trưởng ban TTND
- Bà Trần Hoàng Linh - Bí thư Chi đoàn
- Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kế toán
- Ông Trần Trọng Nghĩa – CNTT

IV. Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai của Trường Tiểu học Him Lam theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024 (Biểu mẫu 05)
- Công khai thông tin chất lượng giáo dục năm học 2022 – 2023 của Trường Tiểu học Him Lam (Biểu mẫu 06)
- Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Tiểu học Him Lam năm học 2023 – 2024 (biểu mẫu số 07)
- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường Tiểu học Him Lam năm học 2023 – 2024 (Biểu mẫu số 08)

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 18 tháng 9 năm 2023 đến hết ngày 15 tháng 01 năm 2024

3. Địa điểm công khai: Tại Bảng công khai và Website của nhà trường.

4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp.

Biên bản được lập xong vào lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.

TRƯỞNG BAN TTND



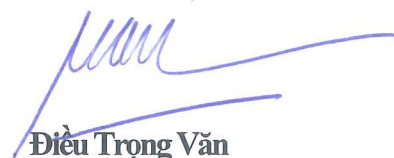
Bạch Quyết Chiến

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Hồ Văn Đuật

HIỆU TRƯỞNG



Điền Trọng Văn

BÍ THƯ CHI ĐOÀN



Trần Hoàng Linh

KÊ TOÁN



Nguyễn Thị Kim Cúc

NHÂN VIÊN CNTT

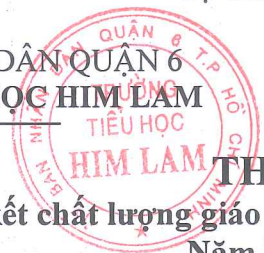


Trần Trọng Nghĩa

Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học Him Lam
Năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	112	134	124	97	146
		- Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm) - Huy động 100% trẻ 6 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn phường 13 vào học lớp 1 theo chỉ tiêu của UBND Quận 6 giao cho trường. - Chỉ tiêu tuyển sinh lớp 1 NH 2023-2024: 150hs/lớp				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018. - Lớp 1,2,3,4: Thực hiện theo chương trình GDPT 2018 nhà trường chọn bộ sách “Chân trời sáng tạo”. - Lớp 5: Thực hiện theo chương trình GDPT ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT và sách giáo khoa hiện hành do Bộ Giáo dục quy định. - Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006. Thực hiện 35 tuần/năm học - Học sinh lớp 1 đến trường: 21/08/2023 - Ngày tựu trường: 28/08/2023 - Ngày khai giảng: 05/09/2023 - Sơ kết học kì I: 13/01/2024 - Tổng kết năm học: Từ ngày 29/05/2024 - Kết thúc năm học ngày 31/05/2024.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: - Thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web, sổ liên lạc của đơn vị. - Thông tin về Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học; Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh Tiểu học - Gia đình thường xuyên trao đổi với GVCN hoặc qua sổ liên lạc điện tử. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh - Chấp hành tốt các nội quy học sinh - Thái độ học tập tích cực, chủ động - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.				



Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Trường định kì tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập cho học sinh: giáo dục kĩ năng sống, kĩ năng tự bảo vệ, kĩ năng phòng tránh tai nạn, thương tích, kĩ sơ cứu. Tổ chức học sinh tham gia sinh hoạt Sao nhi đồng, sinh hoạt Đội, tổ chức câu lạc bộ TDTT (võ, bóng rổ, bóng đá, bóng ném..) dạy năng khiếu mỹ thuật, và âm nhạc.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Thực hiện nhiệm vụ học sinh đầy đủ 100% - 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99% - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100% - Không có học sinh bỏ học - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Giám số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp - 100% học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc - Đủ sức để học ở lớp trên hoặc cấp học trên - Tăng cường công tác thăm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa tiểu học và THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.

Quận 6, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Hiệu trưởng



Điền Trọng Văn



(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

AN QUÂN 6
 C HİM LAM
 TRƯỜNG
 TIỂU HỌC
 NHÂN DÂN QUÂN QUẢN T.P. HỒ CHÍ MINH
 n chất lượng giáo d
 Năm

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế của trường Tiểu học Him Lam
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	683	138	128	98	149	170
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	683	138	128	98	149	170

1.1 Đối với lớp 1,2,3

	Số	Số HS có KQĐG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3						
			Trong tổng số					Trong tổng số					Trong tổng số						
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lốp ghép	Khuất tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lốp ghép	Khuất tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lốp ghép	Khuất tật
I Kết quả học tập																			
1. Tiếng Việt	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		355	133	62	5	3		124	62	5	1			98	48	5	2		1
Hoàn thành		9	5	1				4	1				1						
Chưa hoàn thành																			
2. Toán	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		356	137	63	5	3		123	61	5	1		1	96	47	5	2		1
Hoàn thành		8	1					5	2					2	1				
Chưa hoàn thành																			
3. Đạo đức	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành																			
Chưa hoàn thành																			
4. Tự nhiên và Xã hội	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		363	137	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành		1	1																
Chưa hoàn thành																			
5. Nghệ thuật (Âm nhạc)	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		351	132	63	5	3		122	62	5	1			97	48	5	2		1
Hoàn thành		13	6					6	1				1	1					
Chưa hoàn thành																			
6. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		336	122	62	5	3		120	61	5	1			94	47	4	2		1
Hoàn thành		28	16	1				8	2				1	4	1	1			
Chưa hoàn thành																			
7. Hoạt động trải nghiệm	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		363	137	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành		1	1																
Chưa hoàn thành																			
8. Giáo dục thể chất	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Hoàn thành																			
Chưa hoàn thành																			
9. TH-CN (Công nghệ)	98	98												98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		98												98	48	5	2		1
Hoàn thành																			
Chưa hoàn thành																			
10. TH-CN (Tin học)	364	98												98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		98												98	48	5	2		1
Hoàn thành																			
Chưa hoàn thành																			
11. Ngoại ngữ	364	98												98	48	5	2		1
Hoàn thành tốt		90												90	47	4	2		1
Hoàn thành		8												8	1	1			
Chưa hoàn thành																			
12. Tiếng dân tộc																			
Hoàn thành tốt																			
Hoàn thành																			
Chưa hoàn thành																			

Biểu mẫu 06
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

	Số	Số	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3					
			Số	Trong tổng số					Số	Trong tổng số					Số	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
II. Năng lực cốt lõi																				
Năng lực chung																				
Tư duy và tư học	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Tốt		360	134	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Đạt		4	4																	
Cần cố gắng																				
Giao tiếp và hợp tác	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Tốt		362	136	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Đạt		2	2																	
Cần cố gắng																				
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Tốt		364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Đạt																				
Cần cố gắng																				
Năng lực đặc thù																				
Ngôn ngữ	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Tốt		360	134	62	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Đạt		4	4	1																
Cần cố gắng																				
Tính toán	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Tốt		363	137	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Đạt		1	1																	
Cần cố gắng																				
Tin học	98	98												98	48	5	2		1	
Tốt		98												98	48	5	2		1	
Đạt																				
Cần cố gắng																				
Công nghệ	98	98												98	48	5	2		1	
Tốt		98												98	48	5	2		1	
Đạt																				
Cần cố gắng																				
Khoa học	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Tốt		364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Đạt																				
Cần cố gắng																				
Thẩm mĩ	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Tốt		357	131	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Đạt		7	7																	
Cần cố gắng																				
Thể chất	364	364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Tốt		364	138	63	5	3		128	63	5	1		1	98	48	5	2		1	
Đạt																				
Cần cố gắng																				

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3							
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số						
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
III. Phẩm chất chủ yếu																				
Tên nước	364	364	138	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		
Tốt		364	138	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Đạt																				
Cần cố gắng																				
Nhân ái	364	364	138	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Tốt		364	138	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Đạt																				
Cần cố gắng																				
Chăm chỉ	364	364	138	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Tốt		360	134	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Đạt		4	4																	
Cần cố gắng																				
Trung thực	364	364	138	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Tốt		364	138	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Đạt																				
Cần cố gắng																				
Trách nhiệm	364	364	138	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Tốt		364	138	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Đạt																				
Cần cố gắng																				
IV. Đánh giá KQĐG																				
- Hoàn thành xuất		313	119	61	5	3			113	58	5	1			81	43	3	1		
- Hoàn thành tốt		11							5	2					6	3	1	1		1
- Hoàn thành		40	19	2					10	3				1	11	2	1			
- Chưa hoàn thành																				
V. Khen thưởng																				
- Giấy khen cấp trường		322	119	61	5	3			116	60	5	1			87	46	4	2		1
- Giấy khen cấp trên																				
VI. HSDT được trợ giảng																				
VII. HSK.Tất																				
		2							1	1				1	1	1				1
VIII. HS bỏ học lý II																				
+ Hoàn cảnh GĐKK																				
+ KK trong học tập																				
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																				
+ Thiên tai, dịch bệnh																				
+ Nguyên nhân khác																				
IX. Chương trình lớp học																				
Hoàn thành	364	364	138	63	5	3			128	63	5	1		1	98	48	5	2		1
Chưa hoàn thành																				

QUẬN
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
HIM L
UY *

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

	Số số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 4						Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5				
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số						Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
1. Kết quả học tập														
1. Tiếng Việt	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		310	141	70	7	2			169	81	17	11		
Hoàn thành		9	8	4					1					1
Chưa hoàn thành														
2. Toán	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		292	123	59	7	2			169	81	17	11		
Hoàn thành		27	26	15					1					1
Chưa hoàn thành														
3. Đạo đức	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành														
Chưa hoàn thành														
4. Khoa học	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		314	146	71	7	2			168	81	17	11		
Hoàn thành		5	3	3					2					1
Chưa hoàn thành														
5. LS &ĐL	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		318	149	74	7	2			169	81	17	11		
Hoàn thành		1							1					1
Chưa hoàn thành														
6. Âm nhạc	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		313	146	73	7	2			167	81	17	11		
Hoàn thành		6	3	1					3					1
Chưa hoàn thành														
7. Mỹ thuật	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		288	134	70	7	2			154	80	16	11		
Hoàn thành		31	15	4					16	1	1			1
Chưa hoàn thành														
8. Thủ công, Kỹ thuật	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành														
Chưa hoàn thành														
9. Thể dục	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành														
Chưa hoàn thành														
10. Ngoại ngữ	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		283	123	60	7	2			160	77	17	11		
Hoàn thành		36	26	14					10	4				1
Chưa hoàn thành														
11. Tin học	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1
Hoàn thành tốt		317	149	74	7	2			168	81	17	11		
Hoàn thành														

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 4						Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số						Trong tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân	Lớp ghép	Khuyết tật							
II. Năng lực															
Tư phục vụ tư quản	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Tốt		319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Đạt															
Cần cố gắng															
Hợp tác	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Tốt		319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Đạt															
Cần cố gắng															
Tư học và giải quyết vấn đề	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Tốt		319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Đạt															
Cần cố gắng															
III. Phẩm chất															
Chăm học chăm làm	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Tốt		319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Đạt															
Cần cố gắng															
Tư tin trách nhiệm	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Tốt		319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Đạt															
Cần cố gắng															
Trung thực kỷ luật	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Tốt		319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Đạt															
Cần cố gắng															
Đoàn kết yêu thương	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Tốt		319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Đạt															
Cần cố gắng															
IV. Khen thưởng															
- Giấy khen cấp trường		315	149	74	7	2			166	80	17	11		1	
- Giấy khen cấp trên		315	149	74	7	2			166	80	17	11		1	
V. HSDT được trợ giảng															
VI. HS.K.Tất															
		1							1					1	
VII. HS bỏ học kỳ II															
+ Hoàn cảnh GĐKK															
+ KK trong học tập															
+ Xa trường đi lại K.khẩn															
+ Thiên tai, dịch bệnh															
+ Nguyên nhân khác															
VIII. Chương trình lớp học															
Hoàn thành	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	
Chưa hoàn thành	319	319	149	74	7	2			170	81	17	11		1	

Quận 6, ngày 18 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Diệu Trọng Văn

Biểu mẫu 07

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học Him Lam
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	22/20	1.5 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	22	1.5 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhò, mượn	0	0
III	Số điểm trường lẻ	0	0
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	4009,4	6 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2667	4 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1.5 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	366	9 m ² /học sinh
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	366	9 m ² /học sinh
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48	1.5 m ² /học sinh
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	60	1.8 m ² /học sinh
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	60	1.8 m ² /học sinh
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	0.8 m ² /học sinh
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	0
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	60	1.8 m ² /học sinh
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	50/20	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	5/4
1.2	Khối lớp 2	5	5/4
1.3	Khối lớp 3	5	5/4
1.4	Khối lớp 4	5	5/3
1.5	Khối lớp 5	5	5/5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (ĐVT: bộ)	38	1.2 hs/cái
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	25	1.2 lớp/cái
1	Ti vi	21	1 lớp/cái
2	Cát xét	10	0.5
3	Đầu Video/đầu đĩa	21	1 lớp/cái
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	0.14

Biểu mẫu 07

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

5	Bảng tương tác	2	0.09
	Nội dung	Số lượng(m ²)	
X	Nhà bếp	1 - 60 m ²	
XI	Nhà ăn	1 - 345 m ²	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	HS nghỉ tại lớp học	32	1.5 m ² /học sinh
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	0	10/10	0	0.3 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 6, ngày 18 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Diệu Trọng Văn



Biểu mẫu 08

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo,
cán bộ quản lý và nhân viên của trường Tiểu học Him Lam
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	40		03	28	03	03	03	06	09	22	33	0	0	0
I	Giáo viên	32		02	27	02	01		03	09	20	32	0		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	05		01	03					01	04	05			
3	Tin học														
4	Âm nhạc	01			01						01	01			
5	Mỹ thuật	01				01			01			01			
6	Thể dục	02			02	01				02		02			
II	Cán bộ quản lý	01		01							01	01			
1	Hiệu trưởng	01		01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng														
III	Nhân viên	07			01	01	02	03	03		01				
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	01			01						01				
3	Thủ quỹ	01				01			01						
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	01					01		01						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	01					01		01						
9	Nhân viên bảo vệ	02						02							
10	Nhân viên lao công	01						01							

Quận 6, ngày 18 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đào Trọng Văn